Internet bằng tiếng Ý

154 từ, từ cơ bản đến nâng cao.

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
1	**Finestra** A1 /fi'nɛstra/ la · số nhiều le finestre	Cửa sổ	A1–A2
2	**Email** A1 /'imɛil/ l'	E-mail	A1–A2
3	**Chat** A2 /'tʃat/ la · số nhiều le chat	chat trực tuyến	A1–A2
4	**Modalità aereo** A2 /modali'ta a'ɛreo/ la · số nhiều le modalità aereo	Chế độ máy bay	B1–B2
5	**Altoparlanti** B1 /altopar'lanti/ l' · số nhiều gli altoparlanti	Nhiều chiếc loa	B1–B2
6	**Scorrere la pagina** B1 /'skorrere la 'padʒina/	Cuộn trang	B1–B2
7	**Spazio disponibile** A2 /'spattsjo dispo'nibile/ lo · số nhiều gli spazi disponibili	Không gian có sẵn	B1–B2
8	**Connessione** B1 /konnes'sjone/ la · số nhiều le connessioni	Kết nối	A1–A2
9	**Latenza** C1 /la'tɛntsa/ la · số nhiều le latenze	Độ trễ	C1
10	**Computer** A1 /kom'pjuter/ il · số nhiều i computer	Máy tính	A1–A2
11	**Tastiera** A2 /ta'stjɛra/ la · số nhiều le tastiere	Bàn phím	A1–A2
12	**Stampante** A2 /stam'pante/ la · số nhiều le stampanti	Máy in	A1–A2
13	**Tutela dati personali** B2 /tu'tɛla 'dati perso'nali/ la	bảo hộ dữ liệu cá nhân	C1
14	**Auricolari** A2 /auriko'lari/ l' · số nhiều gli auricolari	Tai nghe nhét tai	B1–B2
15	**Autenticazione a due fattori** B2 /autentikat'tsjone a 'due fat'tori/ l' · số nhiều le autenticazioni a due fattori	Xác thực hai yếu tố	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
16	**Trojan** B2 /'trɔjan/ il · số nhiều i trojan	Trojan	C1
17	**Cittadinanza digitale** B2 /tʃittadi'nantsa didʒi'tale/ la	Quyền công dân số	C1
18	**Programma** A1 /pro'gramma/ il · số nhiều i programmi	Chương trình	A1–A2
19	**Inviare un messaggio** A2 /invi'are un mes'saddʒo/	Gửi tin nhắn	A1–A2
20	**Ricevere un messaggio** A2 /ri'tʃevere un mes'saddʒo/	Nhận được tin nhắn	A1–A2
21	**Immagine** A1 /im'madʒine/ l' · số nhiều le immagini	Hình ảnh	A1–A2
22	**Video** A1 /'video/ il · số nhiều i video	Video	A1–A2
23	**Salvare** A2 /sal'vare/ ha salvato	Lưu	A1–A2
24	**Scaricare un file** A2 /skari'kare un 'fail/	Tải xuống một tập tin	A1–A2
25	**Sito web** A2 /'sito 'wɛb/ il · số nhiều i siti web	Trang mạng	A1–A2
26	**Account** A2 /ak'kaunt/ l' · số nhiều gli account	Tài khoản	A1–A2
27	**Ricerca** A2 /ri'tʃɛrka/ la · số nhiều le ricerche	Tìm kiếm	A1–A2
28	**Posta elettronica** A2 /'pɔsta elet'trɔnika/ la	thư điện tử	A1–A2
29	**Aggiornamento** B1 /addʒorna'mento/ l' · số nhiều gli aggiornamenti	Bản cập nhật	B1–B2
30	**Navigare** A2 /navi'gare/ ha navigato	Lướt web	B1–B2
31	**Navigare in rete** A2 /navi'gare in 'rete/	Lướt mạng	B1–B2
32	**Schermo** A2 /'skermo/ lo · số nhiều gli schermi	Màn hình	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
33	**Link** A2 /link/ il · số nhiều i link	đường link	A1–A2
34	**Password** A1 /'password/ la · số nhiều le password	Mật khẩu	A1–A2
35	**Motore di ricerca** A2 /mo'tore di ri'tʃɛrka/ il · số nhiều i motori di ricerca	Công cụ tìm kiếm	B1–B2
36	**Nome utente** A2 /'nome u'tɛnte/ il · số nhiều i nomi utente	Tên người dùng	B1–B2
37	**Iscrizione** A2 /iskrit'tsjone/ l' · số nhiều le iscrizioni	Sự đăng ký	B1–B2
38	**Velocità di connessione** B1 /velotʃi'ta di konnes'sjone/ la · số nhiều le velocità di connessione	Tốc độ kết nối	B1–B2
39	**Connessione instabile** B1 /konnes'sjone in'stabile/ la · số nhiều le connessioni instabili	Kết nối không ổn định	B1–B2
40	**Caduta della linea** B1 /ka'duta 'della 'linea/ la · số nhiều le cadute della linea	Rớt mạng	B1–B2
41	**Impostazioni** A2 /impostat'tsjoni/ l' · số nhiều le impostazioni	Thiết lập	A1–A2
42	**Cartella** A2 /kar'tɛlla/ la · số nhiều le cartelle	Thư mục	A1–A2
43	**Eliminare** A2 /elimi'nare/ ha eliminato	Xóa	A1–A2
44	**Cavo** A2 /'kavo/ il · số nhiều i cavi	Cáp	A1–A2
45	**Connessione Wi-Fi** A2 /konnes'sjone 'wai 'fai/ la · số nhiều le connessioni Wi-Fi	Kết nối Wi-Fi	A1–A2
46	**Accesso a Internet** A2 /at'tʃɛsso a 'internet/ l' · số nhiều gli accessi a Internet	Truy cập Internet	A1–A2
47	**Caricare un documento** A2 /kari'kare un doku'mento/	Tải lên một tài liệu	A1–A2
48	**Commento** A2 /kom'mɛnto/ il · số nhiều i commenti	Lời bình luận	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
49	**Hashtag** B1 /'ɛʃtɛg/ l' · số nhiều gli hashtag	Thẻ bắt đầu bằng dấu thăng	A1–A2
50	**Emoji** A2 /e'mɔdʒi/ l' · số nhiều gli emoji	Biểu tượng emoji	A1–A2
51	**Sticker** B1 /'stiker/ lo · số nhiều gli sticker	Nhãn dán	A1–A2
52	**Meme** B1 /'mɛme/ il · số nhiều i meme	Meme	A1–A2
53	**Cestino** A2 /tʃe'stino/ il · số nhiều i cestini	Rổ	A1–A2
54	**Prenotazione online** A2 /prenotat'tsjone on'lain/ la · số nhiều le prenotazioni online	Đặt chỗ trực tuyến	A1–A2
55	**Condivisione** B1 /kondivi'zjone/ la · số nhiều le condivisioni	Việc chia sẻ	B1–B2
56	**Dispositivi smart** B2 /dispozi'tivi 'zmart/ il · số nhiều i dispositivi smart	Thiết bị thông minh	B1–B2
57	**Versione più recente** B1 /ver'sjone 'pju re'tʃɛnte/ la · số nhiều le versioni più recenti	Phiên bản mới nhất	B1–B2
58	**Servizi online** B1 /ser'vittsi on'lain/ il · số nhiều i servizi online	Dịch vụ trực tuyến	A1–A2
59	**Linea internet** A2 /'linea 'internet/ la · số nhiều le linee internet	Đường truyền Internet	A1–A2
60	**Pagina web** A2 /'padʒina 'wɛb/ la · số nhiều le pagine web	Trang web	A1–A2
61	**Aprire il browser** A2 /a'prire il 'brauzer/	Mở trình duyệt	A1–A2
62	**Homepage** A2 /'ompeidʒ/ la · số nhiều le homepage	Trang chủ	A1–A2
63	**Tweet** B1 /'twit/ il · số nhiều i tweet	Tweet	A1–A2
64	**Blog** A2 /'blɔg/ il · số nhiều i blog	Blog	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
65	**Podcast** A2 /ˈpɔdkast/ il · số nhiều i podcast	Podcast	A1–A2
66	**Streaming** B1 /ˈstrimiŋg/ lo	Phát trực tuyến	A1–A2
67	**Password di accesso** A2 /ˈpassword di atˈtʃɛsso/ la · số nhiều le password di accesso	Mật khẩu đăng nhập	A1–A2
68	**Cloud** B1 /ˈklaud/ il · số nhiều i cloud	lưu trữ đám mây	A1–A2
69	**Archiviare** B1 /arkiˈvjare/ ha archiviato	Lưu trữ	B1–B2
70	**Virus** A2 /ˈvirus/ il · số nhiều i virus	Vi-rút	A1–A2
71	**Scanner** A2 /ˈskanner/ lo · số nhiều gli scanner	Máy quét	A1–A2
72	**Collegamento ipertestuale** B2 /kollegaˈmento iperteˈstwale/ il · số nhiều i collegamenti ipertestuali	Siêu liên kết	B1–B2
73	**Sicurezza online** B1 /sikuˈrettsa onˈlain/ la	Bảo mật trực tuyến	B1–B2
74	**Modulo online** A2 /ˈmɔdulo onˈlain/ il · số nhiều i moduli online	Biểu mẫu trực tuyến	B1–B2
75	**Form di contatto** B1 /ˈfɔrm di konˈtatto/ il · số nhiều i form di contatto	Biểu mẫu liên hệ	B1–B2
76	**Forum** B1 /ˈfɔrum/ il · số nhiều i forum	Diễn đàn	B1–B2
77	**Presentazione online** B1 /prezentatˈtsjone onˈlain/ la · số nhiều le presentazioni online	Trình bày trực tuyến	B1–B2
78	**Documento condiviso** B1 /dokuˈmento kondiˈvizo/ il · số nhiều i documenti condivisi	Tài liệu được chia sẻ	B1–B2
79	**Modem** B1 /ˈmɔdem/ il · số nhiều i modem	Modem	A1–A2
80	**Router** B1 /ˈrauter/ il · số nhiều i router	Bộ định tuyến	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
81	**Cliccare su un link** A2 /klik'kare su un 'liŋk/	Nhấp vào liên kết	A1–A2
82	**Logout** B1 /'lɔgaut/ il · số nhiều i logout	Đăng xuất	A1–A2
83	**Guida rapida** B1 /'gwida 'rapida/ la · số nhiều le guide rapide	Hướng dẫn nhanh	A1–A2
84	**Ricerca online** A2 /ri'tʃɛrka on'lain/ la · số nhiều le ricerche online	Tìm kiếm trực tuyến	A1–A2
85	**Avviso** A2 /av'vizo/ l' · số nhiều gli avvisi	Thông cáo	B1–B2
86	**Webcam** A2 /'wɛbkam/ la · số nhiều le webcam	Máy quay web	A1–A2
87	**Download** A2 /'daunlod/ il · số nhiều i download	bản tải xuống	A1–A2
88	**Upload** B1 /ap'lɔd/ l' · số nhiều gli upload	bản tải lên	A1–A2
89	**Feed** B1 /'fid/ il · số nhiều i feed	Bảng tin	A1–A2
90	**Notifica** B1 /no'tifika/ la · số nhiều le notifiche	Thông báo	A1–A2
91	**Cookie** B1 /'kuki/ il · số nhiều i cookie	Cookie	A1–A2
92	**Accettare i cookie** B1 /attʃet'tare i 'kuki/	Chấp nhận cookie	A1–A2
93	**Download pericoloso** B1 /'daunlod periko'lozo/ il · số nhiều i download pericolosi	Tải xuống nguy hiểm	A1–A2
94	**Sito non sicuro** B1 /'sito non si'kuro/ il · số nhiều i siti non sicuri	Trang web không an toàn	A1–A2
95	**Tutorial video** B1 /tu'tɔrjal 'video/ il · số nhiều i tutorial video	Video hướng dẫn	A1–A2
96	**Faq** B1 /'fak/ la · số nhiều le FAQ	Câu hỏi thường gặp	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
97	**Gioco online** A2 /'dʒɔko on'lain/ il · số nhiều i giochi online	Trò chơi trực tuyến	A1–A2
98	**Preferiti** A2 /prefe'riti/ il · số nhiều i preferiti	Yêu thích	A1–A2
99	**Spam** B1 /'spam/ lo	Thư rác	A1–A2
100	**Attività lavorativa** B1 /attivi'ta lavora'tiva/ l' · số nhiều le attività lavorative	Hoạt động công việc	B1–B2
101	**Politica sulla privacy** B1 /po'litika sulla 'prajvasi/ la · số nhiều le politiche sulla privacy	Chính sách bảo mật	B1–B2
102	**Link sospetto** B1 /link so'spɛtto/ il · số nhiều i link sospetti	Liên kết đáng ngờ	B1–B2
103	**Attacco informatico** B2 /at'takko infor'matiko/ l' · số nhiều gli attacchi informatici	Tấn công mạng	B1–B2
104	**Accesso negato** B1 /at'tʃɛsso ne'gato/ l' · số nhiều gli accessi negati	Truy cập bị từ chối	B1–B2
105	**Allegato** A2 /alle'gato/ l' · số nhiều gli allegati	Tệp đính kèm	B1–B2
106	**Newsletter** B1 /'njuzlɛtter/ la · số nhiều le newsletter	Thư tin định kỳ	B1–B2
107	**Tempo di risposta** B1 /'tɛmpo di ri'sposta/ il · số nhiều i tempi di risposta	Thời gian phản hồi	B1–B2
108	**Protezione dei dati** B2 /protet'tsjone dei 'dati/ la	Bảo vệ dữ liệu	B1–B2
109	**Protezione dei dati personali** B2 /protet'tsjone dei 'dati perso'nali/ la	Bảo vệ dữ liệu cá nhân	B1–B2
110	**Accesso** B1 /at'tʃɛsso/ l' · số nhiều gli accessi	Truy cập	B1–B2
111	**Etichetta digitale** B2 /eti'ketta didʒi'tale/ l'	Phép ứng xử số	B1–B2
112	**Scrittura di testi** B1 /skrit'tura di 'tɛsti/ la	Viết văn bản	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
113	**Uso consapevole di Internet** B1 /'uzo konsa'pevole di 'internet/ l'	Sử dụng Internet một cách có ý thức	B1–B2
114	**Rispetto online** B1 /ri'spɛtto on'lain/ il	Tôn trọng trực tuyến	B1–B2
115	**Educazione digitale** B2 /edukat'tsjone didʒi'tale/ l'	Giáo dục số	B1–B2
116	**Uso sicuro del computer** B1 /'uzo si'kuro del kom'pjuter/ l'	Sử dụng máy tính an toàn	B1–B2
117	**Feedback** B1 /'fidbɛk/ il · số nhiều i feedback	Nhận xét	B1–B2
118	**Videoconferenza** B1 /ˌvideokonfe'rɛntsa/ la · số nhiều le videoconferenze	Hội nghị truyền hình	B1–B2
119	**Protezione della privacy** B2 /protet'tsjone 'della 'praivasi/ la	Bảo vệ quyền riêng tư	B1–B2
120	**Futuro digitale** B2 /fu'turo didʒi'tale/ il · số nhiều i futuri digitali	Tương lai số	B1–B2
121	**Tracciamento** B2 /trattʃa'mento/ il · số nhiều i tracciamenti	Theo dõi	B1–B2
122	**Recuperare un file** B1 /rekupe'rare un 'fail/	Khôi phục một tập tin	B1–B2
123	**Archiviazione online** B2 /arkivjat'tsjone on'lain/ l'	Lưu trữ trực tuyến	B1–B2
124	**Segnalazione** B1 /seɲɲalat'tsjone/ la · số nhiều le segnalazioni	Thông báo sự cố	B1–B2
125	**Chatbot** B2 /'tʃatbɔt/ il · số nhiều i chatbot	Chatbot	B1–B2
126	**Connessione sicura** B1 /konnes'sjone si'kura/ la · số nhiều le connessioni sicure	Kết nối an toàn	B1–B2
127	**Phishing** B2 /'fiʃʃiŋ/ il	Lừa đảo trực tuyến	B1–B2
128	**Navigazione sicura** B1 /navigat'tsjone si'kura/ la	Duyệt web an toàn	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
129	**Supporto online** B1 /sup'pɔrto on'lain/ il	Hỗ trợ trực tuyến	B1–B2
130	**Navigazione libera** B1 /navigat'tsjone 'libera/ la	Duyệt web tự do	B1–B2
131	**Identità elettronica** B2 /identi'ta elet'trɔnika/ l' · số nhiều le identità elettroniche	Danh tính điện tử	B1–B2
132	**Proiettore** B1 /projet'tore/ il · số nhiều i proiettori	Máy chiếu	B1–B2
133	**Altoparlante** B1 /altopar'lante/ l' · số nhiều gli altoparlanti	Một chiếc loa	B1–B2
134	**Condivisione schermo** B1 /kondivi'zjone 'skermo/ la · số nhiều le condivisioni schermo	Chia sẻ màn hình	B1–B2
135	**Backup** B1 /'bɛkap/ il · số nhiều i backup	Sao lưu	B1–B2
136	**Segnalibro** A2 /seɲɲa'libro/ il · số nhiều i segnalibri	Dấu trang	B1–B2
137	**Malware** B2 /'malwɛr/ il · số nhiều i malware	Phần mềm độc hại	B1–B2
138	**Open source** B2 /ˌɔpen 'sɔrs/ l'	Nguồn mở	B1–B2
139	**Connessione via cavo** B1 /konnes'sjone 'via 'kavo/ la · số nhiều le connessioni via cavo	Kết nối cáp	B1–B2
140	**Barra degli indirizzi** B1 /'barra deʎʎi indi'rittsi/ la · số nhiều le barre degli indirizzi	Thanh địa chỉ	B1–B2
141	**Barra di ricerca** A2 /'barra di ri'tʃɛrka/ la · số nhiều le barre di ricerca	Thanh tìm kiếm	B1–B2
142	**Caricamento della pagina** B1 /karika'mento della 'padʒina/ il · số nhiều i caricamenti della pagina	Việc tải trang	B1–B2
143	**Scheda** B1 /'skɛda/ la · số nhiều le schede	Thẻ trình duyệt	B1–B2
144	**Orologio digitale** A2 /oro'lɔdʒo didʒi'tale/ l' · số nhiều gli orologi digitali	Đồng hồ kỹ thuật số	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
145	**Forum tecnico** B2 /'fɔrum 'tɛkniko/ il · số nhiều i forum tecnici	Diễn đàn kỹ thuật	B1–B2
146	**Salvataggio automatico** B1 /salva'taddʒo auto'matiko/ il · số nhiều i salvataggi automatici	Tự động lưu	B1–B2
147	**Link condivisibile** B1 /link kondivi'zibile/ il · số nhiều i link condivisibili	Liên kết có thể chia sẻ	B1–B2
148	**Rete domestica** B1 /'rete do'mɛstika/ la · số nhiều le reti domestiche	Mạng gia đình	B1–B2
149	**Schermo condiviso** B1 /'skermo kondi'vizo/ lo · số nhiều gli schermi condivisi	Màn hình được chia sẻ	B1–B2
150	**Modifica simultanea** B2 /mo'difika simul'tanea/ la · số nhiều le modifiche simultanee	Chỉnh sửa đồng thời	B1–B2
151	**Finestra pop-up** B1 /fi'nɛstra 'pɔpap/ la · số nhiều le finestre pop-up	Cửa sổ bật lên	B1–B2
152	**Navigazione anonima** B2 /navigat'tsjone a'nɔnima/ la	Duyệt web ẩn danh	B1–B2
153	**Errore 404** B1 /er'rore kwattro tʃɛnto'kwattro/ l' · số nhiều gli errori 404	Lỗi 404	B1–B2
154	**Rete sovraccarica** B2 /'rete sovrak'karika/ la · số nhiều le reti sovraccariche	Mạng quá tải	B1–B2

Nghe từng từ và luyện tập miễn phí: https://languageminute.com/vi/learn/it/topic/189-internet
Italian Minute: https://apps.apple.com/app/id6749542639